

Số: 696/QĐ-ĐHDK

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 21 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng Kỹ sư cho sinh viên khóa 4,
đại học hệ chính quy năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-TTg ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 187/QĐ-DKVN ngày 19/01/2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam ban hành theo Quyết định số 298/QĐ-ĐHDK ngày 03 tháng 5 năm 2013 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08/9/2015 về Ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ Giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 639/QĐ-ĐHDK ngày 07/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Hội đồng xét Tốt nghiệp đại học hệ Chính quy năm 2019;

Căn cứ Biên bản họp xét tốt nghiệp năm 2019, ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Căn cứ Tờ trình số 77/TTr-ĐT ngày 20/8/2019 của Trưởng Phòng Đào tạo về việc công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng Kỹ sư cho sinh viên khóa 4, đại học hệ chính quy, năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng Kỹ sư đại học hệ chính quy, năm 2019 cho 35 sinh viên khóa 4 (*Danh sách đính kèm*). Cụ thể như sau:

Xếp loại giỏi: 06 sinh viên

Xếp loại khá: 28 sinh viên

Xếp loại Trung bình khá: 01 sinh viên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Kế hoạch-Tài chính, Trưởng khoa Dầu khí, Trưởng Khoa khoa học Cơ bản, GVCN/CVHT các Lớp và các sinh viên có tên trong danh sách đính kèm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CTHĐT (để b/c);
- BGH (e-copy);
- TTTTTV (e-copy);
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Phan Minh Quốc Bình

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 4 TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2019

(Đính kèm Quyết định số 689/QĐ-ĐHDK ngày 24 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam)

SĐT	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại TN	Ghi chú
01	04GEO110001	Nguyễn Thị Thu An	Nữ	27/07/1996	Lâm Đồng	K4ĐC-ĐVD	8.72	Giỏi	
02	04GEO110016	Nguyễn Văn Toàn	Nam	05/10/1996	Bình Định	K4ĐC-ĐVD	8.32	Giỏi	
03	04PPR110019	Phạm Thị Linh Xuân	Nữ	04/06/1996	Đắk Lắk	K4LHD	8.21	Giỏi	
04	04PET110009	Lương Khánh Lộc	Nam	25/10/1994	Quảng Ngãi	K4KKT	8.08	Giỏi	
05	04PET110020	Hồ Việt Anh Tuấn	Nam	20/03/1996	Đắk Lắk	K4KKT	8.07	Giỏi	
06	04GEO110017	Lê Đình Tỷ	Nam	25/09/1996	Thanh Hóa	K4ĐC-ĐVD	8.02	Giỏi	
07	04PPR110007	Trần Thị Thuý Kiều	Nữ	01/06/1996	Phú Yên	K4LHD	7.84	Khá	
08	04GEO110003	Nguyễn Thanh Bảo	Nam	18/09/1995	Lâm Đồng	K4ĐC-ĐVD	7.73	Khá	
09	04PET110019	Lê Minh Trường	Nam	24/09/1996	Phú Yên	K4KKT	7.68	Khá	
10	04PPR110017	Nguyễn Thị Đài Trang	Nữ	16/02/1996	Phú Yên	K4LHD	7.65	Khá	
11	04PET110010	Cao Lê Công Luận	Nam	27/06/1996	Bến Tre	K4KKT	7.63	Khá	
12	04PPR110013	Lê Đức Tâm	Nam	11/05/1996	An Giang	K4LHD	7.63	Khá	
13	04GEO110010	Phạm Thị Nga	Nữ	24/09/1996	Nghệ An	K4ĐC-ĐVD	7.58	Khá	
14	04PET110011	Bùi Trọng Nghĩa	Nam	16/01/1996	Lâm Đồng	K4KKT	7.54	Khá	
15	04PET110012	Lê Phúc Nguyên	Nam	16/03/1996	Phú Yên	K4KKT	7.50	Khá	
16	04PET110013	Phan Thanh Nhân	Nam	06/04/1995	Bến Tre	K4KKT	7.50	Khá	
17	04PPR110020	Huỳnh Hoàng Mai Xuân	Nữ	15/02/96	Tiền Giang	K4LHD	7.45	Khá	
18	03PET110122	Bùi Văn Cường	Nam	18/01/1995	Nghệ An	K4KKT	7.39	Khá	
19	04PPR110009	Ngô Trọng Nhân	Nam	23/11/1996	Phú Yên	K4LHD	7.39	Khá	
20	04PET110003	Nguyễn Việt Cường	Nam	18/01/1996	Thanh Hóa	K4KKT	7.38	Khá	

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại TN	Ghi chú
21	04GEO110011	Bùi Trọng Nhân	Nam	12/03/1996	Nam Định	K4ĐC-DVD	7.38	Khá	
22	04PET110001	Trần Ngọc Ân	Nam	20/11/1995	Đắk Lắk	K4KKT	7.36	Khá	
23	04PET110002	Nguyễn Văn Bắc	Nam	01/01/1996	Bắc Giang	K4KKT	7.35	Khá	
24	04GEO110008	Lê Át Hoi	Nam	09/01/1996	Phủ Yên	K4ĐC-DVD	7.35	Khá	
25	04PET110008	Hoàng Văn Hướng	Nam	20/04/1996	Nam Định	K4KKT	7.33	Khá	
26	04PPR110015	Mai Trung Thịnh	Nam	12/06/1996	Quảng Ngãi	K4LHD	7.33	Khá	
27	04PPR110011	Võ Long Sang	Nam	04/02/1996	Lâm Đồng	K4LHD	7.30	Khá	
28	04PET110016	Vũ Thế Tâm	Nam	06/06/1994	Thái Bình	K4KKT	7.24	Khá	
29	04PPR110002	Bùi Đức Hiếu	Nam	08/10/1996	Thanh Hóa	K4LHD	7.19	Khá	
30	04PET110006	Nguyễn Văn Được	Nam	11/12/1993	Thanh Hóa	K4KKT	7.18	Khá	
31	04GEO110007	Đinh Trọng Hà	Nam	13/01/1995	Nghệ An	K4ĐC-DVD	7.17	Khá	
32	04GEO110013	Nguyễn Văn Tám	Nam	04/02/1996	Thanh Hóa	K4ĐC-DVD	7.13	Khá	
33	04PPR110003	Dương Đình Hiếu	Nam	16/02/1995	Nghệ An	K4LHD	7.11	Khá	
34	04PPR110005	Vũ Ngọc Huy	Nam	28/02/1996	Lạng Sơn	K4LHD	7.00	Khá	
35	04PET110014	Trương Mạnh Phi	Nam	12/02/1995	Nghệ An	K4KKT	6.91	TB Khá	